vướng mắc, các ngành, các địa phương phản ánh cho liên Bộ biết để nghiên cứu giải quyết.

P. Tổng cục trưởng Tổng cục thể dục thể thao	K.T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục *Thứ trưởng*
MAI VĂN MUỘN	NGUYỄN KỲ
K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và xã hội *Thứ trưởng*	K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính *Thứ trưởng*
TRẦN HIẾU	LÝ TÀI LUẬN

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 222-TC/CTN ngày 29-12-1989 ban hành Quy định chi tiết biểu thuế xuất nhập khẩu hàng mậu dịch.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết số 186b-HĐNN8 ngày 29-8-1989 của Hội đồng Nhà nước sửa đổi biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch ;

Căn cứ Quyết định số 223-HĐBT ngày 28-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 186b-HĐNN8 ngày 29-8-1989 của Hội đồng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Ban hành kèm theo Quyết định này biểu quy định chi tiết biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu hàng mậu dịch ban hành kèm theo Nghị quyết số 186b-HĐNN8 ngày 29-8-1989 của Hội đồng Nhà nước.

Điều 2. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1990.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
HOÀNG QUY

QUY ĐỊNH CHI TIẾT
Biểu thuế xuất khẩu hàng mậu dịch

(ban hành kèm theo Quyết định số 222-TC/CTN ngày 29-12-1989 của Bộ Tài chính)

Số thứ tự	TÊN NHÓM HÀNG, MẶT HÀNG	Thuế suất (%)	
		Phổ thông	Tối thiểu
1	Các loại than đá	4	2
2	Dầu thô	4	2
3	Quặng và tinh quặng kim loại	4	2
4	Khoáng sản không phải quặng	4	2
5	Phế liệu kim loại đen	35	25
6	Phế liệu kim loại màu	45	35
7	Cao su nguyên liệu	4	2
8	Da sơ chế	4	2
9	Trầm hương, kỳ nam	15	10
10	Gạo	5	3
11	Ngô, tấm các loại, gạo vàng	3	0
12	Đào lộn hột, cà phê, chè, hạt tiêu	3	0
13	Thủy sản và sản phẩm chế biến từ thủy sản	4	2
	Riêng : — Các loại tôm	7	5
	— Các loại mực	5	3
	— Sản phẩm chế biến từ thủy sản : chả, giò, nem, chạo, cá nướng, vẻ mực nướng, mai mực nang, da cá, bột tôm cá, các loại mực nhồi, nghêu, sò, ốc	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965340

QUY ĐỊNH CHI TIẾT
BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU HÀNG MẬU DỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 222-TC/CTN ngày 29-12-1989 của Bộ Tài chính)

Số hiệu nhóm hàng mặt hàng	TÊN NHÓM HÀNG, MẶT HÀNG	Thuế suất	
		Phổ thông	Tối thiểu
A	B	1	2
	Chương 0		
	THIẾT BỊ TOÀN BỘ	0	0
	Riêng		
	— Thiết bị toàn bộ nhà máy đường công suất đến 100 tấn mía/ngày	5	3
	— Thiết bị xay sát công suất đến 60 tấn/ca	5	3
	— Thiết bị chế biến chè công suất đến 10 tấn/ngày	5	3
	— Thiết bị xát tươi và xát khô cà phê công suất đến 3 tấn/ca	5	3
	Chương 1		
	Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và phụ tùng thay thế	0	0
	Riêng:		
	— Máy tiện chiều cao tâm đến 300 mm	15	10
	— Máy khoan đường kính lỗ khoan đến 25 mm	15	10
	— Máy bào ngang 650	15	10
	— Máy búa đến 250 kg	15	10
	— Máy đột dập đến 125 tấn	15	10
	— Máy cắt tôn đến 12 mm	15	10
	— Máy cắt đột liên hợp đến 125 tấn	15	10
	— Biến thế điện lực công suất đến 3.200 KVA	15	10
	— Động cơ điện xoay chiều 3 pha công suất đến 200KW	15	10
	— Động cơ điezen công suất đến 50CV	15	10
	— Bơm nước công suất đến 8000m³/h	15	10
	— Máy kéo công suất đến 12CV và máy kéo công suất 50CV	15	10
	— Máy phát điện chạy bằng diezen đến 200 KVA	15	10
29101	— Ô-tô vận tải, đầu máy kéo, rơ-moóc	20	15
	— Riêng phụ tùng thay thế	10	7
19103	— Ô-tô chở khách, rơ-moóc	20	15
	Riêng :		
	— Phụ tùng thay thế	10	7
	— Xe lam	10	7
19500	Xe ô-tô con và xe du lịch dưới 15 chỗ ngồi	60	50
	Riêng phụ tùng thay thế	40	30

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

A	B	1	2
	Chương II		
	NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU, KHOÁNG SẢN, KIM LOẠI	0	0
	Riêng :		
22002	— Xăng ô-tô	3	2
22301	— Dầu hỏa thông dụng	3	2
22401	— Điezen thông dụng	3	2
22500	— Ma dút	3	2
26401	— Các loại thép xây dựng	10	7
	Riêng :		
2640110	Thép chống lò	0	0
2640111	Thép cọc ván	0	0
2640112	Thép dầm cầu các loại	0	0
	Chương III		
	SẢN PHẨM HÓA HỌC, PHÂN BÓN, CAO SU	0	0
	Riêng :		
31103	— Sơn các loại	15	10
	Trừ sơn emasil, sơn laque, sơn chống rỉ, sơn chống axít, sơn chịu nhiệt, sơn cách điện, sơn chống hà, sơn mớm nước, sơn trên mớm nước, các loại dung môi cho sơn	0	0
	— Phim chụp ảnh cuốn và hộp các loại dài đến 5,1 mét	30	20
	— Giấy rửa ảnh các loại khổ đến 30cm × 40cm	30	20
	Chương IV		
	VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ PHỤ LIỆU	0	0
	Riêng :		
40001	— Xi măng các loại	30	20
40002	— Cờ-lanh-ke	10	7
40101	— Kính xây dựng các loại	20	15
40301	— Vật liệu ốp tường	20	15
40700	— Vật liệu từ đất, đá, Bazan	20	15
40910	— Khóa các loại	20	15
40912	— Đồ sứ vệ sinh	20	15
	Chương V		
	NGUYÊN LIỆU VÀ CHẾ PHẨM		
	(Trừ hàng thực phẩm) ngoài những nguyên liệu đã quy định tại các chương trên	0	0
	Riêng :		
503	— Gỗ dán các loại	5	3
50606	— Giấy in từ 52 gram/m² trở lên	5	3
50610	— Giấy cuốn thuốc lá	20	15
50611	— Đầu lọc, giấy đầu lọc thuốc lá	20	15
50618	— Giấy nến	5	3
50623	— Giấy vệ sinh	5	3
50701	— Giấy carton thường	5	3
	Chương VI		
	ĐỘNG VẬT SỐNG	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1	2	3	4
	Chương VII		
	NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM	7	5
	Riêng :		
72301	— Đường thô	7	3
72600	— Thuốc lá lá	30	20
	Chương VIII		
	HÀNG THỰC PHẨM		
80	Sản phẩm thịt, sữa, mỡ động vật, trứng	5	4
81	Thủy sản và sản phẩm chế biến từ thủy sản	20	15
82	Các loại bột và sản phẩm chế biến từ bột	20	15
	Riêng :		
	— Bột mỳ	7	5
	— Sản phẩm chế biến từ bột mì	30	20
83	Các loại rau, quả	20	10
84	Đường tinh chế, dầu thực vật, gia vị	20	10
	Riêng :		
84010	— Các loại kẹo	30	20
85	Đồ uống-hút, chè, cà phê, ca cao	50	30
	Riêng :		
85002	— Các loại rượu	100	80
85003	— Các loại bia	100	80
85101	— Các loại thuốc lá	100	80
85104	— Xì gà	100	80
	Chương IX		
	HÀNG CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG		
90	Vải bông, len, lụa, lanh, dạ (trừ vải, dạ kỹ thuật) vải sợi tổng hợp, polieste v.v...	30	20
	Riêng :		
90000	— Vải bông và pha bông	35	25
90200	— Lụa các loại	35	25
90300	— Lanh và vải lanh	35	25
91	— Quần áo may sẵn, bít tất, hàng dệt kim, khăn mặt, khăn tắm, các loại mũ và vải trải giường	40	25
	Riêng :		
91000	— Áo bành tô, áo khoác các loại, quần áo ngoài (hàng may mặc)	40	30
91100	— Quần áo bằng da và giả da	50	40
91200	— Quần áo bằng da có lông	50	40
	— Quần áo bò, mũ bò, áo na tô, áo phông	50	40
92	Hàng bách hóa	20	10
	Riêng :		
92100	— Tuyn các loại	30	20
92300	— Hàng bách hóa bằng da, giả da	30	20
92400	— Hàng bách hóa bằng nhựa tổng hợp	25	15
92500	— Dụng cụ bảo hộ lao động	0	0
92600	— Kính quang học các loại	0	0
92702	— Kính cận	0	0
92703	— Kính viễn	0	0
93	— Các loại giầy, dép, guốc	40	25
94	— Dụng cụ gia đình	20	10
	Riêng :		
94100	— Dụng cụ gia đình bằng sành, sứ	25	15
95	Đồ gỗ	40	30
96	Dược phẩm — dụng cụ y tế vệ sinh-vitamin	0	0

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653403

1	2	3	4
	Riêng :		
96200	— Các loại thuốc tân dược đã pha chế	5	3
	Trừ các loại thuốc đặc trị chữa bệnh tim mạch, thần kinh, tai, mũi, họng, đái đường, lao...	0	0
96500	— Các loại mỹ phẩm	50	40
97	Hàng dân dụng	30	20
	Riêng :		
97001	— Các loại máy khâu dân dụng	50	40
97005	— Máy giặt	40	30
97006	— Các loại xe đạp	60	50
	— Phụ tùng xe đạp	40	30
97007	— Các loại xe gắn máy	55	45
	— Phụ tùng xe gắn máy	50	40
97008	— Ấm đun nước bằng điện	40	30
97009	— Nồi nấu cơm bằng điện	40	30
97010	— Máy xay hoa quả chạy điện	40	30
	— Các loại tủ lạnh dân dụng	20	15
	— Các loại máy điều hòa nhiệt độ dân dụng	20	15
97021	— Quạt điện	40	30
97400	— Các loại ấn phẩm	5	3
	Riêng :		
	— Sách báo khoa học kỹ thuật, sách báo chính trị, sách báo thiếu nhi	0	0
	— Các loại tranh ảnh, lịch	40	30
97500	— Nhạc cụ và phụ tùng	2	0
97600	— Dụng cụ thể thao, săn bắn	2	0
	Riêng :		
	— Súng hơi, súng săn	40	30
97714	— Đồ chơi trẻ em	5	3
97800	— Phim ảnh lồng tiếng, băng đã ghi hình ghi tiếng	30	10
	— Băng trắng chưa ghi	20	10
	— Băng bành để làm băng ghi hình, ghi tiếng	10	5
98	— Hàng công nghiệp tiêu dùng khác không nằm trong các nhóm kể trên	30	20
	Riêng :		
98000	— Học cụ giảng dạy, đồ dùng văn phòng và vẽ kỹ thuật	0	0
98501	— Máy thu thanh các loại	20	10
98502	— Máy thu hình các loại	40	20
9850205	— Video cassette các loại	60	50
98503	— Radio cassette các loại	40	20
98505	— Phụ tùng linh kiện điện tử lắp ráp hàng dân dụng :		
	Linh kiện điện tử rời (IKD)	3	0
	Cụm linh kiện điện tử (CKD)	7	3
	Cụm linh kiện điện tử hoàn chỉnh (SKD)	15	10

BỘ THÔNG TIN XUẤT BẢN
In tại Nhà máy in Tiến Bộ — Hà Nội

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653403